

QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 1980

LUẬT

BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

CHƯƠNG I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1

Việc bầu cử đại biểu Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Điều 2

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, từ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và từ hai mươi một tuổi trở lên đều có thể được bầu vào Quốc hội, trừ những người mất trí và những người bị pháp luật hoặc Toà án nhân dân tước các quyền đó.

Điều 3

Công dân đang ở trong quân đội nhân dân có quyền bầu cử và có thể được bầu vào Quốc hội theo Điều 2.

Điều 4

Cử tri có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội, nếu đại biểu đó không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Điều 5

Hội đồng Nhà nước tuyên bố và chủ trì việc bầu cử đại biểu Quốc hội.

Điều 6

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm cùng với các cơ quan chính quyền tổ chức việc bầu cử đại biểu Quốc hội.

Điều 7

Kinh phí về tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội do ngân sách Nhà nước đài thọ.

CHƯƠNG II

SỐ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐƠN VỊ BẦU CỬ VÀ KHU VỰC BỎ PHIẾU

Điều 8

Tổng số đại biểu Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không quá năm trăm người.

Điều 9

Đại biểu Quốc hội do từng đơn vị bầu cử bầu ra. Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc đơn vị hành chính cấp tương đương có thể là một đơn vị bầu cử hoặc chia thành nhiều đơn vị bầu cử.

Số đại biểu của mỗi đơn vị bầu cử do Hội đồng Nhà nước ấn định cho mỗi khoá Quốc hội. Hội đồng Nhà nước dành cho thủ đô Hà Nội số đại biểu thích đáng. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc đơn vị hành chính cấp tương đương được bầu ít nhất hai đại biểu.

Điều 10

Số đại biểu Quốc hội người dân tộc thiểu số trong mỗi khoá Quốc hội do Hội đồng Nhà nước ấn định, bảo đảm cho thành phần dân tộc thiểu số có số đại biểu thích đáng trong Quốc hội.

Điều 11

Số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị và số đại biểu của mỗi đơn vị do Hội đồng Nhà nước ấn định và được công bố chậm nhất là sáu mươi ngày trước ngày bầu cử.

Điều 12

Mỗi đơn vị bầu cử chia thành nhiều khu vực bỏ phiếu. Mỗi khu vực bỏ phiếu gồm từ năm trăm đến bốn nghìn người.

ở miền núi, hải đảo và những nơi dân cư không tập trung, dù chưa tới năm trăm người cũng có thể thành lập một khu vực bỏ phiếu.

Các bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, nhà nuôi người tàn tật có từ năm mươi cử tri trở lên thì có thể lập thành khu vực bỏ phiếu riêng.

Điều 13

Việc chia khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân xã, phường hoặc cấp tương đương định và do Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp chuẩn y.

Các đơn vị quân đội nhân dân thành lập những khu vực bỏ phiếu riêng.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ, CÁC BAN BẦU CỬ, CÁC TỔ BẦU CỬ

Điều 14

Phụ trách tổ chức việc bầu cử đại biểu Quốc hội có:

Hội đồng bầu cử ở trung ương,

Ban bầu cử ở đơn vị bầu cử,

Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu.

Điều 15

Chậm nhất là năm mươi lăm ngày trước ngày bầu cử, Hội đồng Nhà nước thành lập Hội đồng bầu cử từ hai mươi lăm đến ba mươi người, gồm đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các chính đảng, các đoàn thể nhân dân trong cả nước.

Hội đồng bầu cử bầu ra Chủ tịch, một hoặc nhiều Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và một hoặc nhiều thư ký.

Hội đồng bầu cử có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- 1- Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành luật lệ bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước;
- 2- Xét và giải quyết những khiếu nại về công tác của các ban bầu cử, tổ bầu cử;
- 3- Tiếp nhận và kiểm tra biên bản bầu cử do các ban bầu cử gửi đến, làm biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước;
- 4- Tuyên bố kết quả cuộc bầu cử trong cả nước;
- 5- Cấp giấy chứng nhận cho đại biểu trúng cử;
- 6- Trình Quốc hội biên bản tổng kết bầu cử và những hồ sơ, tài liệu về bầu cử.

Điều 16

Chậm nhất là bốn mươi ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đơn vị hành chính cấp tương đương thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử một ban bầu cử, từ chín đến mười lăm người gồm, đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các chính đảng, các đoàn thể nhân dân ở địa phương.

Ban bầu cử bầu ra một Trưởng ban, một hoặc hai Phó trưởng ban và một hoặc nhiều thư ký.

Ban bầu cử có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- 1- Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành luật lệ bầu cử đại biểu Quốc hội của các tổ bầu cử;
- 2- Kiểm tra, đôn đốc việc bố trí các phòng bỏ phiếu;
- 3- Xét và giải quyết những khiếu nại về công tác của các tổ bầu cử;
- 4- Phân phối phiếu bầu cử cho các tổ bầu cử, chậm nhất là năm ngày trước ngày bầu cử;
- 5- Kiểm tra việc lập và niêm yết danh sách cử tri;
- 6- Tiếp nhận đơn ứng cử của những người được giới thiệu ra ứng cử, lập và niêm yết danh sách những người ra ứng cử, xét và giải quyết những khiếu nại về việc lập danh sách người ra ứng cử;
- 7- Kiểm tra công việc bầu cử tại các phòng bỏ phiếu;
- 8- Tiếp nhận, kiểm tra biên bản kiểm phiếu do các tổ bầu cử gửi đến, làm biên bản xác định kết quả bầu cử trong đơn vị để gửi Hội đồng bầu cử và tuyên bố kết quả đó;
- 9- Giao hồ sơ, tài liệu về bầu cử cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc đơn vị hành chính cấp tương đương.

Điều 17

Chậm nhất là hai mươi ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân xã, phường hoặc cấp tương đương thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một tổ bầu cử, từ năm đến mười một người, gồm đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và tầng lớp nhân dân ở xã, phường hoặc cấp tương đương.

Các đơn vị quân đội nhân dân thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu của mình một tổ bầu cử gồm từ năm đến chín người đại diện cho quân nhân trong đơn vị.

Tổ bầu cử bầu ra một tổ trưởng, một phó tổ trưởng và một hoặc nhiều thư ký.

Tổ bầu cử có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- 1- Phụ trách công tác bầu cử trong khu vực bỏ phiếu;
- 2- Bố trí phòng bỏ phiếu và chuẩn bị hòm phiếu;
- 3- Phát phiếu bầu cử có đóng dấu của tổ bầu cử cho các cử tri;
- 4- Bảo đảm trật tự trong phòng bỏ phiếu;
- 5- Kiểm phiếu và làm biên bản kiểm phiếu để gửi lên ban bầu cử;
- 6- Giao biên bản kiểm phiếu và tất cả những phiếu bầu cho Ủy ban nhân dân xã, phường hoặc cấp tương đương.

Điều 18

Hội đồng bầu cử, ban bầu cử, tổ bầu cử không được vận động bầu cử cho những người ra ứng cử.

Điều 19

Các cơ quan và nhân viên Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội tạo điều kiện thuận lợi giúp Hội đồng bầu cử, các ban bầu cử và tổ bầu cử thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Điều 20

Hội đồng bầu cử hết nhiệm vụ sau khi đã trình Quốc hội biên bản tổng kết bầu cử và những hồ sơ, tài liệu về bầu cử. Các ban bầu cử, các tổ bầu cử hết nhiệm vụ sau khi Hội đồng bầu cử tuyên bố kết quả bầu cử trong cả nước.

CHƯƠNG IV

DANH SÁCH CỬ TRI

Điều 21

Trong thời gian lập danh sách cử tri, những công dân có quyền bầu cử đại biểu Quốc hội cư trú thường xuyên hay tạm thời ở đâu đều được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi đó.

Mỗi cử tri chỉ được ghi tên vào danh sách ở một nơi cư trú.

Điều 22

Danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân xã, phường hoặc cấp tương đương lập theo khu vực bỏ phiếu.